

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-6- 2020

V/v hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quàng Văn Thủy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Văn Sinh và bà Nguyễn Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa :** Ông Hà Văn Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Quàng Thị B; Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Bị đơn:* anh Đinh Kiều S; Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 14/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Quàng Thị B trình bày: chị B và anh Đinh Kiều S, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, anh chị đã có hai người con chung là cháu Đinh Thị Sao M, sinh ngày 08/4/1994 và cháu Đinh Nhật H, sinh ngày 14/7/2012; nhưng thời gian gần đây giữa chị B và anh S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, giữa hai người thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai anh chị đã sống ly thân khoảng mấy tháng gần đây, tình cảm không còn chị B đề nghị xin được ly hôn, phân chia trách nhiệm nuôi con chung, về tài sản chung chị B và anh S đã tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết trong vụ án; anh chị không vay nợ ai.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đinh Kiều S lên ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị B nhưng anh S nhiều lần từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Sang đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 20/4/2020 cháu Đinh Nhật H có nguyện vọng xin ở với anh Đinh Kiều S.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/5/2020, anh Đinh Kiều S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng, thông báo, giấy triệu tập lần 1 và lần 2 và cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh Đinh Kiều S. Tại phiên họp, chị Quàng Thị B giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ hay có yêu cầu gì khác. Tòa án đã tiến hành lập biên bản hòa giải không thành do đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Quàng Thị B trình bày ý kiến tranh luận vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đinh Kiều S và phân chia trách nhiệm nuôi con, trong đó: cháu Sao M đã thành niên và có khả năng lao động, cháu tự quyết định nên không đề nghị giải quyết, còn cháu H là người chưa thành niên hiện đang sống cùng với anh Đinh Kiều S, cháu H có nguyện vọng được ở với bố, chị Quàng Thị B xác nhận cháu đang ở với bố, chị cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu nhưng chị tôn trọng ý kiến của cháu và đồng ý giao cháu cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng theo khả năng của mình. Chị B tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng nhiều lần từ chối nhận văn bản, không ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cố ý vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung thực hiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản khoản 1 Điều 14 và các Điều 15, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên

không công nhận chị Quàng Thị B và anh Đinh Kiều S là vợ chồng; giao cháu Đinh Nhật H cho anh Đinh Kiều S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; buộc chị Quàng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” do nguyên đơn chị Quàng Thị B khởi kiện đối với bị đơn anh Đinh Kiều S có nơi cư trú tiểu khu 3 thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đinh Kiều S đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành được thủ tục hòa giải và quyết định xét xử vắng mặt anh Sang theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Quàng Thị B và anh Đinh Kiều S, tự nguyện chung sống với nhau đến nay không đăng ký kết hôn đã được chính quyền địa phương xác nhận và quan hệ hôn nhân không được xác lập.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Quàng Thị B thấy: chị B và anh S đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng. Chị B nhận thấy cuộc sống chung giữa chị B và anh S luôn mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, tuy anh S không ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị B nhưng qua xác minh tại nơi cư trú xác định gia đình anh chị có mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân. Nay chị B xin ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết và xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị B và anh Đinh Kiều S; theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị Quàng Thị B và anh Đinh Kiều S có hai người con chung là cháu Đinh Thị Sao M, sinh ngày 08/4/1994 và cháu Đinh Nhật H, sinh ngày 14/7/2012, hiện tại chị B không có thai, cháu Hoàng đang ở chung cùng bố, chị Bình cũng có mong muốn nuôi con nhưng hiện tại cháu Hoàng đang ở với bố, cháu có nguyện vọng mong muốn ở với bố nên chị tôn trọng quyết định của cháu. Xét thấy cháu Đinh Thị Sao M đã thành niên, có khả năng lao động và đã kết hôn sống riêng không phụ thuộc bố mẹ nên không giải quyết trong vụ án này. Đối với cháu Đinh Nhật H là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) khi chị B và anh S không còn chung sống cần xem xét phân chia trách nhiệm nuôi con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên và xem xét nguyện vọng của con do cháu H đã trên 7 tuổi. Anh Đinh Kiều S không có văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con nhưng qua xác minh tại địa phương và lời khai của chị B, nhận thấy, hiện tại cháu H đang ở cùng bố, anh S có đầy đủ khả năng, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, bên cạnh đó, anh S là cán bộ công an đã nghỉ hưu, thu nhập ổn định từ lương hưu đủ điều kiện nuôi dưỡng con, cháu H có nguyện vọng được ở cùng bố là anh S, chị B nhất trí giao cháu cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu Đinh Nhật H, cần tiếp tục giao cháu H cho anh Đinh Kiều S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc chị Quàng Thị B xác định sẽ cấp dưỡng theo khả năng của bản thân, tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do vậy, cần phải xác định một mức cụ thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo quyền, lợi ích cho con chưa thành niên. Xét thấy chị B làm nghề giáo viên, thu nhập ổn định mỗi tháng 9.400.000 VNĐ (chín triệu bốn trăm nghìn đồng) đủ điều kiện, khả năng cấp dưỡng nuôi con chung nên buộc chị Quàng Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng) phù hợp với thu nhập thực tế của chị B. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Đinh Nhật H đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, theo quy định tại các Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị Quàng Thị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong vụ án còn anh S không có ý kiến gì. Do vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[6] Về vay nợ chung: Chị Quàng Thị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết, còn anh Sang không có ý kiến gì, Do vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết về nợ chung trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị Quàng Thị B không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên chị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các điều: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 và các Điều 15, 53, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị B và anh Đinh Kiều S.

2. Về con chung:

Giao cháu Đinh Nhật H, sinh ngày 14/7/2012 cho anh Đinh Kiều S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị Quàng Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng) một tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Đinh Nhật H đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Sau khi không phải là vợ chồng, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung, tài sản riêng: Các bên đương sự đều không yêu cầu, Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 600.000VNĐ (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002466 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La. Chị Quàng Thị B còn phải nộp tiếp số tiền 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/6/2020), anh Đinh Kiều S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án theo quy định chung của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quàng Văn Thủy**